

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA ĐÀN  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: **48/2024/HNGĐ - ST**

Ngày 30/8/2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Quang Hoà

2. Ông Nguyễn Sỹ Nghị .

- Thư ký phiên toà: bà Hoàng Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 35/2024/ QĐHPT ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lê Thị T**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: **làng N - xã N - huyện N - tỉnh Nghệ An**. Có mặt

- Bị đơn: anh **Trần Văn T1**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: **làng N - xã N - huyện N - tỉnh Nghệ An**. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, tại bản khai và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị **Lê Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Lê Thị T** và anh **Trần Văn T1** đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại **ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra nhiều mâu thuẫn trong gia đình do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, anh **T1** sống không có trách

nhiệm với gia đình do đó chị **T** không còn tình cảm với anh **T1** nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: chị và anh **Trần Văn T1** có hai con chung là **Trần Đức P**, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2018 và **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021. Ly hôn chị **T** có nguyện vọng được nuôi con chung là **Trần Thị Ngọc L** và nhường quyền nuôi con chung là **Trần Đức P** cho anh **T1**. Chị **T** không yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan tài sản chung, nợ chung: chị **Lê Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và tại biên bản hoà giải bị đơn anh **Trần Văn T1** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị **Lê Thị T** có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**, hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Anh **T1** không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị **Lê Thị T** có hai con chung là **Trần Đức P**, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2018 và **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T** thì anh **T1** có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh **Trần Văn T1** không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.  
- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 51, điều 236, điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị T** là cho ly hôn với anh **Trần Văn T1**; Về con chung đề nghị hội đồng xét xử giao con chung là **Trần Đức P**, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2018 cho anh Trung trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung là **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021 cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đã thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **T** và anh **T1** do không có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: chị **Lê Thị T** và anh **Trần Văn T1** không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí chị **Lê Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị **Lê Thị T** yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh **Trần Văn T1** đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh **Trần Văn T1** có hộ khẩu thường trú tại **làng N, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Lê Thị T** và anh **Trần Văn T1** là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Chị **T** và anh **T1** sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, hiện tại đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị **T** không còn tình cảm với anh **T1** và **cũng theo xác nhận của ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An thì nguyên nhân mâu thuẫn của chị T và anh T1 là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung**. Xét mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị T** là cho ly hôn với anh **Trần Văn T1**.

2.2. Về con chung: chị **Lê Thị T** và anh **Trần Văn T1** có hai con chung là **Trần Đức P**, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2018 và **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021, ly hôn chị **T** có nguyện vọng được nuôi con chung là **Trần Thị Ngọc L** và nhường quyền nuôi con chung là **Trần Đức P** cho anh **Trần Văn T1**. Hội đồng xét xử thấy rằng chị **T** và anh **T1** có hai con chung và đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên chị **T** có nguyện vọng được nuôi con chung là **Trần Thị Ngọc L**, hiện nay cháu **L** còn nhỏ và là con gái nên cần sự gần gũi, yêu thương, chăm sóc từ người mẹ và cũng từ ngày chị **T** và anh **T1** sống ly thân cháu **L** ở với mẹ. Chị **T** đồng ý giao con chung là **Trần Đức P** cho anh **Trung trực t** nuôi dưỡng. Xét thấy chị **T** và anh **T1** đều yêu thương các con và đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên hội đồng xét xử giao con chung là **Trần Đức P** cho anh **Trung trực t** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung là **Trần Thị Ngọc L** cho chị **T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **T** và anh **T1** do không có yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: chị **Lê Thị T** và anh **Trần Văn T1** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án chỉ **Lê Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 điều 227; điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 58, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Trà**.

1. Về hôn nhân: Cho chị **Lê Thị T** ly hôn với anh **Trần Văn T1**.

2. Về việc nuôi con chung: Giao con chung là **Trần Đức P**, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2018 cho anh **Trần Văn T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung là **Trần Thị Ngọc L**, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2021 cho chị **Lê Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đã thành niên. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **Lê Thị T** và anh **Trần Văn T1** do không có yêu cầu.

Chị **T** và **T1** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: chị **Lê Thị T** phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **T** đã nộp đủ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012332 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị **Lê Thị T** được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Trần Văn T1** có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Nghĩa Đàn
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn
- UBND xã Nghĩa Lợi (nơi ĐKKH)
- Các đương sự
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

